

Khảo cổ học tiền sử Lạng Sơn: Những giá trị nổi bật

Trình Năng Chung*

Nhận ngày 22 tháng 5 năm 2023. Chấp nhận đăng ngày 15 tháng 9 năm 2023.

Tóm tắt: Dựa vào những tư liệu khảo cổ học thời tiền sử, bài viết trình bày về ba loại di sản văn hóa có giá trị nổi bật ở tỉnh Lạng Sơn. Đó là những di tích chứa hóa thạch con người cổ xưa, văn hóa Bắc Sơn và văn hóa Mai Pha. Những di sản văn hóa này đều có giá trị rất to lớn, có ý nghĩa khoa học mang tầm quốc tế, như di tích người vượn Homo erectus ở Thâm Khuyên, Thâm Hai, hay di tích người Homo sapiens ở Kéo Lèng. Những di tích đó minh chứng cho Việt Nam là một khu vực tiến hóa của loài người. Nhiều di tích khảo cổ học khác có giá trị mang tầm quốc gia, hay khu vực Đông Nam Á, như: văn hóa Bắc Sơn, văn hóa Mai Pha là những minh chứng cho quá trình hình thành và phát triển cuộc Cách mạng Đá mới đã diễn trên đất nước ta. Chính các di sản văn hóa này đã góp phần làm sáng tỏ sự hình thành, phát triển văn hóa đậm đà bản sắc của Lạng Sơn nói riêng và Việt Nam nói chung.

Từ khóa: Lạng Sơn, di tích hóa thạch người, văn hóa Bắc Sơn, văn hóa Mai Pha.

Phân loại ngành: Khảo cổ học

Abstract: Based on prehistoric archeological documents, the article presents three types of cultural heritage of outstanding value in Lạng Sơn province. Those are relics containing ancient human fossils, Bắc Sơn culture and Mai Pha culture. These cultural heritages are of great value and have international scientific significance, such as the Homo erectus relic in Thâm Khuyên, Thâm Hai, or the Homo sapiens relic in Kéo Lèng. Those relics prove that Vietnam is an evolutionary area of Humanity. Many other archaeological relics bears the level of national or Southeast Asian value such as Bắc Sơn culture, Mai Pha culture demonstrate the process of formation and development of the Neolithic Revolution that took place in our country. It is these cultural heritages that have contributed to clarifying the formation and development of a culture imbued with the identity of Lạng Sơn in particular and Vietnam in general.

Keywords: Lạng Sơn, human fossil relic, Bắc Sơn culture, Mai Pha culture.

Subject classification: Archaeology

1. Mở đầu

Lạng Sơn là tỉnh miền núi biên giới Đông Bắc của Tổ quốc, có vị trí quan trọng về nhiều mặt trong lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc. Lạng Sơn là vùng đất có bề dày trầm tích lịch sử, giàu truyền thống cách mạng, văn hóa và nhiều danh lam thắng cảnh nổi tiếng sơn thủy hữu tình.

Trong nền cảnh văn hóa truyền thống đa dạng của Việt Nam, văn hóa khảo cổ học tỉnh Lạng Sơn nổi bật lên như là một trong những mảng màu văn hóa đặc sắc của cư dân cổ miền núi phía Bắc nước ta. Về những văn hóa khảo cổ học, tỉnh Lạng Sơn nổi bật lên với ba loại di sản có giá trị to lớn: một khu vực tiến hóa của loài người; văn hóa Bắc Sơn và văn hóa Mai Pha.

Bằng phương pháp nghiên cứu liên ngành: Khảo cổ học - Cổ nhân học, Khảo cổ học - Cổ sinh học, Khảo cổ học - Sinh thái học..., bài viết này tổng kết những thành tựu lớn về khảo cổ học trên vùng đất tỉnh Lạng Sơn; đồng thời làm rõ những giá trị lịch sử, văn hoá, khoa học nổi bật của những thành tựu đó trong bối cảnh văn hoá tiền sử Việt Nam và thế giới.

* Viện Khảo cổ học, Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam.
Email: trinhnangchung@gmail.com

2. Một khu vực tiến hóa của loài người

2.1. Hóa thạch người vượn *Homo erectus* Thẩm Khuyên, Thẩm Hai

Năm 1965, các nhà khảo cổ học Việt Nam phối hợp với Viện Cổ sinh Đệ tứ kỷ Weimar (Cộng hòa Dân chủ Đức cũ), đứng đầu là Tiến sĩ H.D. Kahlke, đã khai quật hang Thẩm Khuyên (Kahlke, H.D, 1967).

Hang Thẩm Khuyên nằm ở xã Tân Văn, huyện Bình Gia, cách thành phố Lạng Sơn chừng 65 km về phía tây bắc. Trầm tích hang Thẩm Khuyên có màu đỏ sẫm và đỏ nhạt. Các hóa thạch động vật thu được trong các trầm tích này khá phong phú, trong đó có hóa thạch răng loài gấu tre (*Ailuropoda melanoleuca fovealis* Matthew et Granger), răng cửa của vượn khổng lồ (*Gigantopithecus*), đười ươi (*Pongo pygmaeus* sp), tê giác (*Rhinoceros sinensis* Owen), voi răng kiếm (*Stegodon of Oriental* Owen), hổ (*Panthera of tigris* Linnaeus), cùng nhiều loài động vật có vú khác đặc trưng cho phức hợp *Pongo-Ailuropoda-Stegodon* của Hoa Nam (Trung Quốc) có niên đại trung kỳ Pleistocene. Đặc biệt đáng chú ý là cùng với những hóa thạch động vật, các nhà khảo cổ học đã phát hiện được 9 chiếc răng hóa thạch của người vượn (*Homo erectus*) có những đặc điểm hình thái rất gần với người vượn Bắc Kinh (*Homo erectus pekinensis*), có khả năng không phải là con cháu trực tiếp nhau, tuy cùng một loài *Homo erectus*, nhưng lại từ 2 phụ loài địa lý và phát triển độc lập nhau, theo những điều kiện nhất định (Nguyễn Lâm Cường, 2004: 317).

Liên tiếp trong hai năm 1964-1965, các nhà khảo cổ Việt - Đức tiến hành đào thám sát tại hang Thẩm Hai, hang này cách hang Thẩm Khuyên khoảng hơn 20 m về phía nam. Phát hiện được nhiều xương răng hóa thạch động vật giống ở Thẩm Khuyên, đặc biệt là 1 chiếc răng hàm trên thứ nhất của người vượn *Homo erectus*. Theo các nhà khoa học, hóa thạch Thẩm Hai tương tự và có tuổi tương đương với Thẩm Khuyên (Nguyễn Lâm Cường, 2004: 318).

Bằng phương pháp khoa học tự nhiên ESR (cộng hưởng điện từ spin) các nhà khoa học đã phân tích tuổi tuyệt đối của các hóa thạch Thẩm Khuyên là 475.000 năm cách nay (Ciochon, R.L, Vu The Long et al, 1996).

Như vậy, từ trung kỳ Pleistocene, trên mảnh đất Lạng Sơn đã xuất hiện người vượn *Homo erectus* sống trong hang động. Có khả năng những hóa thạch động vật phát hiện cùng địa tầng trong hang là đối tượng săn bắt của bầy người nguyên thủy ở Thẩm Khuyên, Thẩm Hai. Tuy nhiên, cho đến nay, chúng ta chưa tìm thấy công cụ lao động của người vượn nơi đây.

2.2. Hóa thạch người *Homo sapiens sapiens* Kéo Lềng

Gần như đồng thời với phát hiện những hóa thạch Người vượn *Homo erectus*, trên mảnh đất Lạng Sơn đã phát lộ được dấu tích của những con người hóa thạch hiện đại *Homo sapiens sapiens* từng sống cách nay 30.000 năm. Đó là di cốt của người hóa thạch trong hang Kéo Lềng.

Hang Kéo Lềng ở Bản Dù, xã Tô Hiệu, huyện Bình Gia. Hang được phát hiện và đào thám sát vào năm 1964, sau đó Viện Khảo cổ học khai quật vào năm 1966. Hầu hết hóa thạch người và động vật tìm thấy trong trầm tích màu vàng. Điều này khác với trầm tích màu đỏ ở Thẩm Khuyên và Thẩm Hai.

Kết quả khai quật, các nhà khảo cổ học đã tìm thấy nhiều di cốt động vật hóa thạch như: đười ươi (*Pongo pygmaeus* “Weidenreichi” Hooijer), gấu tre (*Ailuropoda melanoleuca fovealis* Matthew et Granger), voi răng kiếm (*Stegodon orientalis owen*), voi cổ (*Stegodon of namadicus* Falconet et Cautly), tê giác (*Rhinoceros sinensis owen*) và nhiều động vật khác. Nhưng phát hiện quan trọng nhất là 2 răng và một mảnh xương trán người hiện đại *Homo sapiens sapiens*. Di cốt người ở Kéo Lềng trong trầm tích màu vàng cùng với quần động vật hậu kỳ Pleistocene, có niên đại khoảng 30.000 năm cách ngày nay (Nguyễn Lâm Cường, 2004: 318). Đây là những người hiện đại hay người khôn ngoan muộn tiêu biểu ở Đông Nam Á và Đông Á.

2.3. Những giá trị nổi bật của những hóa thạch người ở Lạng Sơn

Dựa trên cơ sở những phát hiện Cổ nhân học có niên đại Pleistocene trên đất nước ta, đặc biệt là vùng đất Lạng Sơn, các nhà khảo cổ học, cổ nhân học Việt Nam bước đầu xác định phổ hệ tiến hóa người cổ trên đất nước ta từ sớm đến muộn như sau:

- *Người vượn (Homo erectus)* tiêu biểu là ở Thẩm Khuyên, Thẩm Hai (Lạng Sơn). Đây là những dấu son nổi bật trong bản đồ phân bố Cổ nhân học, về những chứng tích *người vượn đứng thẳng* trong khu vực châu Á. Minh chứng cho giả thuyết Việt Nam nằm trong khu vực quê hương của cái nôi loài người. Đây có thể là chủ nhân những di tích sơ kỳ Đá cũ trên đất nước ta như di tích An Khê (Gia Lai), Núi Đọ (Thanh Hóa).

- *Người khôn ngoan sớm (Homo sapiens)*, tiêu biểu là ở Thẩm Ôm (Nghệ An) và Hang Hùm (Yên Bái). Đây là loài đã thay thế cho *Homo erectus* thường thấy ở khu vực châu Á.

- *Người khôn ngoan muộn (Homo sapiens sapiens)* tiêu biểu là ở Kéo Lềng (Lạng Sơn), Thung Lang (Ninh Bình), Nhâm Dương (Hải Dương).

Như vậy, với các di sản văn hóa Khảo cổ học - Cổ Nhân học, khu vực Lạng Sơn đã cung cấp cho chúng ta những hiểu biết về hai thời điểm tiến hóa xa xưa của loài người: *người vượn (người đứng thẳng)* ở Thẩm Khuyên, Thẩm Hai và *người hiện đại (người khôn ngoan muộn)* ở Kéo Lềng. Đó là những tư liệu vô cùng quan trọng để khẳng định Việt Nam là một trong những khu vực tiến hóa của loài người và là nơi chứng kiến những bước phát triển trong quá trình tiến hóa Nhân học để trở thành những chủ nhân của những nền văn hóa Tiên sử trên đất nước ta.

3. Văn hóa Bắc Sơn

3.1. Văn hóa Bắc Sơn, những nội dung cơ bản

Kể từ năm 1906, khi nhà khảo cổ Pháp là H. Mansuy lần đầu tiên khai quật hang Thẩm Khoách ở phố Bình Gia tới nay, lịch sử nghiên cứu văn hóa Bắc Sơn đã trải qua hơn một thế kỷ. Thành tựu nghiên cứu của nhiều thế hệ khảo cổ học đã chỉ ra rằng, văn hóa Bắc Sơn là văn hóa khảo cổ điển tiến từ sơ kỳ Đá mới sang trung kỳ Đá mới, có niên đại từ 12.000 năm đến 5.000 năm cách nay, được lấy tên sơn khối Bắc Sơn - nơi phát hiện được nhiều di tích quan trọng của nền văn hóa này.

Những tài liệu khảo cổ đầu tiên về văn hóa Bắc Sơn được hai học giả người Pháp là H. Mansuy và M. Colani công bố vào những năm của thập niên 20-30 của thế kỷ XX. Vào thời điểm đó, đã có 43 di tích Bắc Sơn được phát hiện, khai quật, phân bố chủ yếu trong hang động sơn khối đá vôi Bắc Sơn và một số di tích ở Võ Nhai (Thái Nguyên) (Mansuy H., et M.Colani, 1925). Từ khoảng thập niên 80 của thế kỷ XX đến nay, các nhà khảo cổ học Việt Nam đã phát hiện, khai quật mới hơn 30 di tích, nâng tổng số 76 di tích hiện biết về văn hóa này, trong đó trên đất Lạng Sơn đã có 46 địa điểm.

Tại Lạng Sơn, tuyệt đại đa số các di tích Bắc Sơn nằm trong khu vực sơn khối Bắc Sơn, phân bố chủ yếu trong địa giới các huyện Bắc Sơn, Bình Gia, Hữu Lũng, Chi Lăng, Văn Quan.

Trong sơn khối đá vôi Bắc Sơn, dường như chế độ thủy văn có ý nghĩa quan trọng hơn cả việc lựa chọn hang động. Người tiền sử Bắc Sơn thường chọn hang có độ cao thấp, diện tích không lớn, cửa hang không theo hướng chủ đạo nào, làm nơi cư trú.

Một trong những đặc điểm đáng lưu ý của các di tích Bắc Sơn là sự phân bố thành những cụm di tích trong những thung lũng karst. Trong văn hóa Bắc Sơn có 5 cụm di tích, tập trung chính ở khu vực phía nam sơn khối đá vôi, như ở huyện Hữu Lũng 2 cụm, huyện Chi Lăng 1 cụm. Mỗi cụm có tới 3 đến 8 địa điểm, phân bố liên khoảnh, chiếm cứ một hoặc vài ba thung lũng (Hà Hữu Nga, 2001: 32).

Dưới góc độ khảo cổ học - xã hội, mỗi hang động là một gia đình lớn của những người cùng huyết tộc cư trú. Nhóm các di tích liên khoảnh là những liên kết giữa những gia đình lớn và nhỏ với nhau, có chung những đặc điểm về văn hóa vật chất, thể hiện qua tổ hợp công cụ và nghi thức

chôn cất người chết. Họ có mối liên kết chặt chẽ, cùng săn bắt hái lượm trong một số thung lũng gần nhau, tạo thành một thứ liên kết bộ lạc. Đó là những nhóm bộ lạc nguyên thủy, có mối liên hệ gắn bó với nhau, tạo thành một thứ liên minh bộ lạc của một nền văn hóa thống nhất, văn hóa Bắc Sơn. Tổ chức xã hội của cư dân văn hóa Bắc Sơn dựa trên nền tảng kinh tế săn bắt hái lượm là chính và bước đầu đã biết đến nông nghiệp.

Ngoài địa bàn gốc là khu sơn khổi Bắc Sơn tỉnh Lạng Sơn, văn hóa Bắc Sơn còn phân bố sang một số khu vực hang động núi đá vôi ở Thái Nguyên, Bắc Kạn, Tuyên Quang, Cao Bằng, Hà Giang.

Cư dân văn hóa Bắc Sơn đều cư trú, chế tác công cụ, mai táng người chết trong hang động. Việc khai thác nguyên liệu chế tác công cụ và các nguồn thức ăn được tiến hành ở ngoài trời. Di tồn văn hóa và phế thải sinh hoạt của họ tạo thành các tầng văn hóa dày mỏng khác nhau. Phần lớn các di tích Bắc Sơn có 1 tầng văn hóa thuần nhất, dày trung bình từ 0,5 m đến 1,0 m. Bên cạnh những nét chung, đã gặp duy nhất ở hang Dơi (xã Vũ Lễ, huyện Bắc Sơn) với lớp vô sinh nằm kẹp giữa hai tầng văn hóa; tầng văn hóa Bắc Sơn ở phía trên và tầng trước Bắc Sơn (hoặc “Tiền Bắc Sơn”) ở phía dưới, kết quả nghiên cứu mới đây còn cho thấy, những di tích Bắc Sơn trong vùng lõi văn hóa Bắc Sơn có độ dày tầng văn hóa lớn hơn nhiều so với những di tích Bắc Sơn vùng ngoại biên sơn khổi Bắc Sơn (Trình Năng Chung, 2020: 235).

Trong tầng văn hóa, thường có cấu trúc bởi sét vôi lẫn đá tảng chứa nhiều vỏ nhuyễn thể (ốc, trai, trùng trục), cùng các xương cốt động vật, than tro, các di tích bếp lửa. Nhiều di tích có mộ táng; di vật chủ yếu là đồ đá, hiếm đồ xương và đồ gốm.

Một trong những nguồn thức ăn phổ biến mà cư dân văn hóa Bắc Sơn khai thác là các loài động vật hoang dã. Trong tầng văn hóa một số di chỉ Bắc Sơn tìm thấy nhiều di cốt động vật và vỏ nhuyễn thể. Chúng là tàn tích thức ăn do chủ nhân văn hóa Bắc Sơn để lại trong lòng hang. Nguồn thức ăn từ săn bắt các loài thú, phổ biến là họ hươu (*Cervidae*), họ trâu bò (*Bovidae*), họ lợn (*Suidae*), họ cây cáo (*Viverridae*), nhím (*Hystricidae*), linh trưởng (*Primates*); một số loài chim, thú khác. Trong tầng văn hóa hang Dơi khai quật năm 1985 đã tìm thấy di cốt của vượn *Hylobates of concolor*; khỉ *Macaca assamensis*; lửng *Arctonyx collari*; tê giác *Rhinoceros sp.*; lợn rừng *Sus scorofa*; hươu *Cervus sp.*; nai (*Rusa unicolor*)... (Nguyễn Gia Đồi, 1985).

Kết quả giám định di cốt động vật ở một số di tích văn hóa Bắc Sơn cho thấy, trong thời kỳ văn hóa Bắc Sơn, tồn tại quần động vật hiện đại, xương cốt động vật chưa hóa thạch, phần lớn bị đập vỡ, thải ra sau khi ăn thịt và lấy tủy.

Trong tầng văn hóa Bắc Sơn, thường gặp vỏ các loài nhuyễn thể. Phần lớn là loài nhuyễn thể sống trong môi trường sông suối, ít loài sống trên cạn. Đó là những loài ốc núi miệng tròn *Cyclophorus*, *Hybocystis.*, ốc suối *Antimelania sp.* Ngoài các loài kể trên, trong các di tích Bắc Sơn còn gặp các loài trai, trùng trục, ngao, hến... sống trong các đầm hồ, sông, suối. Qua đó cho thấy, định hướng khai thác nhuyễn thể từ sông suối trong hoạt động kinh tế của người Bắc Sơn có vai trò quan trọng.

Tàn tích thức ăn từ thực vật phần lớn đã bị hủy hoại, chỉ có thể nhận diện được một số hạt quả cây, chủ yếu là hạt trám, hạt dẻ... Chắc chắn cư dân Bắc Sơn đã khai thác nhiều loại cây củ, rau có hàm lượng dinh dưỡng phù hợp khác làm thức ăn mà hiện nay không còn dấu tích.

Cư dân văn hóa Bắc Sơn thường chôn người chết ngay trong hang động cư trú. Phương thức mai táng của họ chủ yếu nằm nghiêng co chân, tay. Một số mộ được đặt trên nền bếp cũ như trong trường hợp mộ hang Dơi, hoặc cơ thể người chết đặt nằm trên đá tảng khối to, kê đá xung quanh, rải thổ hoàng, chôn theo đồ tùy táng thường là công cụ lao động như rìu mài lưỡi, hoặc công cụ chặt đập bằng cuội ghè dẽo.

Những phát hiện, nghiên cứu về di cốt người - chủ nhân của văn hóa Bắc Sơn, chủ yếu là do người Pháp thực hiện trước đây. Trong đó, Mansuy và Colani đã phát hiện 5 địa điểm có xương sọ có thể nghiên cứu được như các di tích Thẩm Khoách, Đồng Thuộc, Kéo Phầy, làng Cừm, Khắc Kiệm. Ngoài ra, lẻ tẻ trong các địa điểm khác cũng tìm thấy những mảnh sọ, mảnh xương hàm.

Trong các di tích chứa di cốt người, đáng chú ý là địa điểm Mái đá Làng Cườm. Năm 1924, M.Colani khai quật Mái đá làng Cườm, huyện Bình Gia cũng đã phát hiện gần 100 cá thể ở độ sâu khác nhau, từ 0,6 đến 2 m, song giống nhau về nghi thức mai táng và công cụ chôn theo. Đến nay đã có 18 sọ làng Cườm được các học giả Pháp nghiên cứu và công bố thuộc các loại hình chủng tộc như *Indonesien*, *Melanesien* và các dạng hỗn chủng giữa chúng với *Australoid*, *Mongoloid* hoặc *Negrito* (Bảo tàng Lịch sử Việt Nam, 1969: 144-160).

Cốt sọ được phát hiện ở hang Dơi (xã Vũ Lễ, huyện Bắc Sơn) khai quật năm 1985 được các nhà nghiên cứu xếp vào loại hình *Australo-Melanesie* (Nguyễn Lâm Cường, 1988: 26-42).

Nghiên cứu các cốt sọ người *Indonesien* và loại hình *Indonesien* trong thời đại nguyên thủy Việt Nam, Hà Văn Tấn cho rằng *Indonesien* và *Melanesien* là hai loại hình tìm thấy nhiều nhất trong văn hóa Bắc Sơn. Trong đó, *Indonesien* là loại hình thuộc tiểu chủng *Mongoloid* phương Nam, mang cả hai yếu tố *Mongoloid* và *Australoid* (Hà Văn Tấn, 1966: 38-41). Đây là những loại hình nhân chủng phổ biến cư trú ở Đông Dương và khu vực xung quanh vào giai đoạn chuyển tiếp từ hậu kỳ Đá cũ đến sơ kỳ Đá mới.

Sự khác nhau về nhân chủng học ở các địa điểm Bắc Sơn phản ánh sự phân hóa thành phần chủng tộc người ở vùng núi Đông Bắc Việt Nam vào giai đoạn từ 12.000 đến 6.000 năm cách nay.

Khởi di sản vật chất mà người Bắc Sơn để lại trong các di tích thường là những sưu tập công cụ lao động bằng đá, công cụ xương và một ít đồ gốm. Trong đó, chế tác và sử dụng công cụ đá là hoạt động chính của cư dân văn hóa Bắc Sơn.

Công cụ đá Bắc Sơn phần lớn làm từ cuội sông suối với các loại chất liệu phổ biến như porphyrite, rhyolith, granite, diabaze, quartzite...

Bộ di vật đá được chia thành 5 nhóm tiêu biểu, gồm: nhóm công cụ ghè đẽo; nhóm rìu mài lưỡi; dẩu Bắc Sơn; nhóm hạch đá và mảnh tước; và nhóm công cụ cuội nguyên. Trong đó, công cụ ghè đẽo, công cụ rìu mài lưỡi, dẩu Bắc Sơn là những công cụ đặc trưng tiêu biểu của văn hóa này.

Ngoài những công cụ đá, người Bắc Sơn còn chế tác và sử dụng công cụ xương, sừng và vỏ nhuyễn thể, song số lượng không nhiều và loại hình còn đơn điệu. Trong chế tác công cụ đá, người Bắc Sơn chủ yếu sử dụng kỹ thuật ghè nhiều mặt, ghè hai mặt và ít nhất là ghè một mặt. Kỹ thuật chế tác công cụ cuội của người Bắc Sơn khác người Hòa Bình, nơi chủ yếu sử dụng kỹ thuật ghè một mặt.

Người Bắc Sơn sử dụng phổ biến thủ pháp bỏ đôi viên cuội, từ đó chế tác công cụ. Tỷ lệ công cụ làm từ cuội bỏ thường cao hơn so với cuội nguyên. Đối với những công cụ mảnh tước, cư dân Bắc Sơn sử dụng phổ biến kỹ thuật tách và tu chỉnh nhỏ rìa cạnh mảnh tước kiểu kỹ nghệ Ngườm.

Đồ gốm phát hiện được khá ít trong các di tích văn hóa Bắc Sơn và đều là những mảnh vỡ nhỏ không đồng nhất, chủ yếu ở các lớp trên mặt. Do không nằm cùng rìu mài lưỡi, nên loại gốm này thường được xem là đại diện cho cư dân thời kỳ Đá mới muộn. Ngoài ra, trong một số địa điểm văn hóa Bắc Sơn đã tìm thấy gốm thô, nặn bằng tay, độ nung thấp. Những mảnh gốm này tìm thấy trong lớp chứa rìu mài lưỡi Bắc Sơn, dẩu Bắc Sơn và công cụ ghè đẽo, cho thấy đồ gốm thô này đã được người Bắc Sơn sử dụng cho việc đun nấu như trong trường hợp gốm hang Dơi, hang Phia Điểm. Do số lượng gốm thô không nhiều nên các nhà nghiên cứu băn khoăn khi cho rằng, người Bắc Sơn giai đoạn muộn đã chế tạo và sử dụng đồ gốm, hoặc do trao đổi với các nhóm cư dân đương đại ở khu vực đồng bằng ven biển.

Trong văn hóa Bắc Sơn có một số hiện vật mang tính nghệ thuật sơ khai với những hình khắc trên các phiến thạch hoặc viên cuội lớn như ở hang Thẩm Khoách, Nghinh Tắc, hình mặt người ở địa điểm Nà Cà. Một số ốc biển được mài thủng lưng, xâu chuỗi làm đồ trang sức tìm thấy ở hang Thẩm Khoách.

Thời gian xuất hiện và tồn tại của văn hóa Bắc Sơn qua phân tích niên đại tuyệt đối nằm trong khoảng từ 12.000 năm đến khoảng 5.000 năm cách nay.

Đến nay đã có 14 địa điểm văn hóa Bắc Sơn được khai quật kèm theo 30 mẫu được xác định tuổi niên đại Carbon phóng xạ ^{14}C . Trên đất Lạng Sơn, niên đại của địa điểm hang Dơi là 11.200 ± 200 BP và 11.000 ± 200 BP; hang Bó Lúm là 10.295 ± 200 BP. Điều này cho thấy điểm khởi đầu của văn hóa Bắc Sơn là khoảng 12.000 năm cách nay.

Tại hang Nà Mò ở huyện Ngân Sơn (Bắc Kạn), cuộc khai quật năm 2013 đã đưa ra khỏi lòng đất những di tồn mang đặc trưng của văn hóa Bắc Sơn. Hiện nay, chúng ta đã có một loạt niên đại ^{14}C được xác định cho địa tầng văn hóa Nà Mò, cho thấy giai đoạn muộn của văn hóa Bắc Sơn tồn tại đến khoảng 5.000 cách ngày nay (Trình Năng Chung, 2018: 30-35). Điều này cho thấy các di tích nằm ở khu vực trung tâm sơn khối Bắc Sơn hầu như có niên đại cổ hơn, các di tích ở xa vùng lõi Bắc Sơn có niên đại muộn hơn. Từ đó cho thấy có sự di cư mở rộng địa bàn cư trú của cư dân văn hóa Bắc Sơn lan tỏa về phía Tây Bắc và sang đến tận khu vực Quảng Tây (Trung Quốc). Như vậy, văn hóa Bắc Sơn có hai giai đoạn phát triển chính: giai đoạn 12.000 đến 7.000 năm cách nay, thuộc sơ kỳ Đá mới, và giai đoạn sau từ 7.000 đến 5.000 cách nay, thuộc trung kỳ Đá mới (Trình Năng Chung, 2020: 24-41).

Văn hóa Bắc Sơn trước đây được cho là có nguồn gốc từ văn hóa Hòa Bình, nhưng gần đây, với những phát hiện mới, giới nghiên cứu nghiêng về khả năng văn hóa Bắc Sơn có nguồn gốc chính từ kỹ nghệ Ngườm (Thái Nguyên) dựa trên chứng cứ về địa tầng và sự tiếp tục truyền thống công cụ mảnh kiểu Ngườm trong văn hóa Bắc Sơn. Văn hóa Hòa Bình xuất hiện sớm hơn văn hóa Bắc Sơn, nhưng hai văn hóa có một giai đoạn song song tồn tại. Do vậy, sự gần gũi và mối quan hệ giữa hai văn hóa này là chắc chắn.

3.2. Giá trị văn hóa khảo cổ của văn hóa Bắc Sơn

Văn hóa Bắc Sơn có vị trí quan trọng trong phức hệ văn hóa tiền sử Việt Nam và Đông Nam Á. Nền văn hóa này có những đóng góp rất to lớn, có tầm quan trọng trong sự hình thành, phát triển lịch sử dân tộc Việt Nam.

Ngay từ giai đoạn đầu, cư dân văn hóa Bắc Sơn đã kế thừa không chỉ truyền thống công cụ mảnh tước của cư dân kỹ nghệ Ngườm, mà còn kế thừa, tiếp thu truyền thống chế tác công cụ cuội ghè từ văn hóa Sơn Vi và văn hóa Hòa Bình, tạo cho mình sự thích ứng mới trong tổ hợp công cụ lao động. Trong quá trình phát triển, cư dân văn hóa Bắc Sơn đã chuyển dần từ nền kinh tế chiếm hữu những sản phẩm sẵn có trong tự nhiên sang nền kinh tế sản xuất sơ khai khi tại đây xuất hiện rìu mài lưỡi Bắc Sơn, loại công cụ mang tính đột phá thời đại Đá mới ở Đông Nam Á. Với chiếc rìu mài lưỡi, cư dân tiền sử Bắc Sơn đã có thể phát rừng, làm rẫy. Những cây trồng đầu tiên có lẽ là các cây củ, rau và một số cây ăn quả có nguồn gốc gắn liền với hoạt động hái lượm.

Những bước tiến bộ về phương thức kiếm sống đã kéo theo sự biến đổi sâu sắc trong đời sống kinh tế xã hội của cư dân thời tiền sử Bắc Sơn, mở đầu thời kỳ “Cách mạng Đá mới” trong văn hóa Tiền sử Việt Nam.

Với thành tựu kỹ thuật mài và làm gốm, cư dân Bắc Sơn đã tạo tiền đề quan trọng trong sự phát triển văn hóa tiền sử tiếp theo ở Lạng Sơn.

Những phát hiện gần đây về các kiểu di tích Soi Nhụ, Cái Bèo ở vùng biển Đông Bắc và các cuộc khai quật các hang Phai Vệ, Phia Điem ở Lạng Sơn đã cho chúng ta thấy sự phát triển tiếp nối của cư dân văn hóa Bắc Sơn với các di tích hậu kỳ Đá mới trong vùng núi Lạng Sơn và vùng ven biển Đông Bắc.

4. Văn hóa Mai Pha

4.1. Văn hóa Mai Pha, những nội dung cơ bản

Văn hóa Mai Pha là một trong những nền văn hóa hậu kỳ Đá mới - sơ kỳ Kim khí ở Việt Nam, có niên đại từ 4.000 - hơn 3.000 năm cách nay, phân bố chủ yếu trong tỉnh Lạng Sơn. Đây là nền văn hóa tiền sử được phát hiện khá sớm vào đầu thập kỷ 20 của thế kỷ XX.

Năm 1920, H. Mansuy đã công bố tài liệu về cuộc khai quật di chỉ Mai Pha do ông Restif - một điền chủ ở Lạng Sơn thời đó đào được (Mansuy, H. 1920). Tiếp sau phát hiện ở Mai Pha, M. Colani tiến hành đào di chỉ hang Ba Xã và cùng với H. Mansuy công bố vào năm 1925 (Mansuy H., et M.Colani, 1925).

Công cuộc nghiên cứu văn hóa Mai Pha bị tạm ngưng một thời gian dài do chiến tranh và nhiều lý do khác nhau. Gần 80 năm sau, việc nghiên cứu văn hóa Mai Pha mới được tiếp tục và đẩy mạnh. Trong vòng 5 năm liên tiếp (1996-2000), các nhà khảo cổ học Việt Nam có nhiều đợt điều tra, khảo sát và khai quật trên đất Lạng Sơn, phát hiện và nghiên cứu 32 di tích, di chỉ thuộc giai đoạn hậu kỳ Đá mới, trong đó có 12 địa điểm thuộc nền văn hóa Mai Pha. Đó là các di tích: Mai Pha, Phai Vệ 2 (lớp trên) thuộc thành phố Lạng Sơn; Ba Xã (hang cao), Ba Xã (đông nam), Phia Thình, Kéo Vãng (huyện Văn Quan); Tu Lâm, Phia Điềm (lớp trên) (huyện Cao Lộc); Mè Bạc, Lạng Nấc (lớp trên); Ngườm Sâu (huyện Chi Lăng); hang Dơi lớp trên (huyện Bắc Sơn) (Nguyễn Cường, 2002: 103-104).

Như vậy, về cơ bản, văn hóa Mai Pha phân bố tập trung ở vùng rìa đông nam sơn khối Bắc Sơn, trong các bồn địa thung lũng rộng, mật độ sông suối cao và một số di tích nằm ở rìa ngoài sơn khối Bắc Sơn.

Cư dân văn hoá Mai Pha cư trú theo đơn vị nhỏ, phân tán. Tất cả nơi cư trú của cư dân văn hoá Mai Pha đều thuộc loại hình hang động hoặc mái đá. Khác với cư dân văn hoá Bắc Sơn và văn hoá Hòa Bình, người Mai Pha dường như không cư trú theo cụm trong một thung lũng khép kín nữa, mà cư trú theo đơn vị nhỏ trong các hang động hoặc mái đá xa nhau ở các thung lũng, bồn địa khác nhau. Một số ít cư dân hậu kỳ Đá mới Mai Pha vẫn cư trú trong những hang cũ của người Bắc Sơn, còn đại đa số cư dân đã dời ra ngoài vùng sơn khối Bắc Sơn, hiện nay là vùng thành phố Lạng Sơn và huyện Cao Lộc (Nguyễn Cường, 2002: 157-160).

Người Mai Pha sử dụng hang động không chỉ là nơi cư trú mà còn là nơi chế tác công cụ và để mộ táng. Cư dân Mai Pha chôn cất người trong hang, có nơi còn bảo lưu mộ kê đá, song vết tích xương cốt hầu như bị đập vỡ, một số có vết đốt cháy, đôi khi nằm phân tán, có thể liên quan đến cải táng hoặc táng tượng trưng.

Đời sống cư dân văn hoá Mai Pha là dựa vào nền kinh tế hỗn hợp: săn bắt, hái lượm, thủ công (chế tác đồ đá, đồ xương, đồ vỏ trai, làm gốm), làm nông và trao đổi sản phẩm. Điều đó biểu hiện ở sự đa dạng về tổ hợp công cụ lao động, sự có mặt với số lượng lớn các tàn tích xương răng động vật bỏ lại xung quanh các bếp lửa, tàn tích vỏ nhuyễn thể (bao gồm: ốc suối, ốc núi và đặc biệt là loài trai) được khai thác ở gần nơi cư trú và dấu tích sản phẩm trao đổi với cư dân đương thời.

Săn bắt, thu hái tồn tại trong văn hoá Mai Pha như là một hoạt động trọng yếu trong nền kinh tế đương thời. Bằng chứng là trong các di tích văn hoá Mai Pha tồn tại với số lượng đáng kể xương cốt động vật hoang dã, trên xương có vết đập, vết chặt hoặc bị đốt cháy, cùng hàng loạt các vỏ nhuyễn thể như: ốc sông, suối có dấu chặt đuôi, vỏ trai, vỏ trùng trục, lưu lại trong tầng văn hoá. Tất cả di tích xương cốt động vật và vỏ nhuyễn thể nói trên đều thuộc các giống loài hiện đại, nằm trong trầm tích Holocene muộn, niên đại khoảng 4.000 năm cách nay. Có thể nói, điều kiện cảnh quan và thành phần giống loài động vật thời này về cơ bản là giống ngày nay. Thành phần động vật thời này do săn bắt - hái lượm được gồm: khỉ (*Macaca* sp.), lợn rừng (*Sus scrofa* L.), sơn dương (*Capricornis sumatraensis*), nai (*Rusa unicolor*), hươu (*Cervus* sp.), voi (*Elphas indicus*), nhím (*Hystrix subcristata*), dúi (*Rhizomys* sp.), sóc (*Sciurus* sp.) và họ chồn (*Viveridae* sp.) (Nguyễn Cường, 2002: 164).

Ngoài việc săn bắt các loài động vật trên cạn, người Mai Pha đã khai thác các loài thủy sản trong các sông, suối, hoặc đầm lầy. Ngoài ra, việc thu hái các loại rau, củ, quả trên rừng, dọc sông, ven suối và trong các đầm hồ hẳn là một nguồn bổ trợ thức ăn quan trọng của cư dân đương thời.

Chăn nuôi và trồng trọt có ý nghĩa quan trọng đối với các hoạt động kinh tế của cư dân văn hoá Mai Pha. Đến nay, chúng ta chỉ mới có tư liệu trực tiếp về chăn nuôi ở đây, còn vết tích cây trồng chưa có bằng chứng trực tiếp.

Kết quả giám định xương răng động vật ở di chỉ Mai Pha khai quật năm 1996 cho thấy, người thời này đã nuôi lợn (*Sus scrofa domestica* L.), trâu (*Bubalus budalis*) và chó (*Canis familiaris*) (Vũ Thế Long, 2000). Chăn nuôi lợn là một bước tiến mới của cư dân văn hoá Mai Pha, không chỉ bổ sung thức ăn cho con người, mà đánh dấu một giai đoạn định cư nông nghiệp bền vững.

Cùng với bộ sưu tập công cụ bằng đá mài nhẵn, là sự phổ biến của đồ gốm, minh chứng cho sự định cư nông nghiệp. Cảnh quan môi trường gần sông suối, thung lũng rộng và đất đai màu mỡ là điều kiện tốt cho việc trồng trọt ra đời.

Hoạt động thủ công chế tác đá của cư dân văn hoá Mai Pha với các loại kỹ thuật ghè đẽo, mài, cưa, khoan, đánh bóng, đạt trình độ cao. Hàng loạt rìu tứ giác, rìu có vai có tính ổn định cao về kích thước, tính chuẩn xác cao về kỹ thuật cưa, mài, đánh bóng và tính hoàn thiện về loại hình.

Nghề chế tác đồ gốm của cư dân văn hoá Mai Pha phát triển đỉnh cao trong việc chọn lựa, pha chế nguyên liệu, tạo dáng bằng nặn tay, bằng bàn xoay, trang trí hoa văn, kỹ thuật tô màu, kỹ thuật nung chín. Hầu hết đồ gốm Mai Pha đều được trang trí hoa văn. Có 3 loại hoa văn cơ bản là: văn thừng, khắc vạch và trổ thủng. Trong đó hoa văn văn thừng chiếm tỷ lệ lớn nhất, sau đó là hoa văn khắc vạch. Hoa văn trổ lỗ chỉ được sử dụng ở loại chân đế bát bồng. Nét độc đáo của hoa văn gốm Mai Pha chính là loại hoa văn khắc vạch hình hoa thị kết hợp trổ lỗ thủng ở chân đế đồ vật. Đồ gốm Mai Pha có nhiều loại hình khác nhau. Có loại vò tròn, cổ co lại; có loại có quai uốn từ miệng xuống thân. Một số mảnh đồ đựng còn giữ lại núm có xuyên lỗ ở giữa, có lẽ đây là những quai để xâu dây treo hay buộc với nắp. Đáng chú ý là loại đồ gốm có chân đế loe, trên mặt đế có trang trí những hình hoa thị nối liền nhau, bốn cánh hoa đẹp, cân đối, ở giữa và trên cánh thường có lỗ thủng. Một số hoa văn phức tạp hơn, phát triển từ hoa văn hoa thị. Hoạt động làm gốm ở đây thật sự là sợi dây liên kết các bộ lạc trong cùng một văn hoá - văn hoá Mai Pha. Nói cách khác, chính nghề gốm đã tạo nên bản sắc độc đáo nhất của văn hoá Mai Pha.

Ngoài chế tác công cụ từ đá, xương, vỏ trai và làm gốm, người cổ Mai Pha đã biết xe sợi, dệt vải, những dọi xe sợi bằng đất nung đã tìm thấy ở Mai Pha, Ba Xã.

Tất cả những điều trên cho thấy, cư dân văn hoá Mai Pha duy trì mô hình sống phức hợp, có sự kết hợp giữa săn bắn, đánh cá và thu lượm nhuyễn thể sông suối; hái lượm rau quả củ; trồng tía đơn giản trên các vạt đất ở chân núi, ven sông; chăn nuôi gia súc; chế tác công cụ đá; làm gốm và trao đổi sản phẩm.

Về chủ nhân văn hoá Mai Pha, đã có một số tài liệu giúp làm sáng tỏ vấn đề này. Cuộc khai quật hang Mai Pha vào năm 1996 đã tìm thấy 19 cá thể người. Kết quả nghiên cứu nhân chủng học cho thấy, những di cốt người Mai Pha mang đặc trưng chủng tộc *Mongoloid*, tuy vẫn còn đan xen những nét *Australoid*. Có nhiều khả năng họ là hậu duệ của người *Indonesien* vốn tồn tại phổ biến trong văn hoá Bắc Sơn (Nguyễn Lâm Cường, 2000: 54-58). Điều này góp phần khẳng định nguồn gốc phát triển của văn hoá Mai Pha từ văn hoá Bắc Sơn trước đó.

Trong di chỉ cư dân Mai Pha sinh sống có dấu tích nhiều bếp. Bếp có thể được coi là đơn vị hộ gia đình, giữa các hộ gia đình liên kết với nhau theo huyết tộc.

Các mô hình sống phức hợp của cư dân văn hoá Mai Pha đã nêu trên có thể phản ánh sự phân công lao động theo giới, theo nhóm và theo lứa tuổi. Nam giới chế tác công cụ và săn bắt. Phụ nữ làm gốm, dệt vải, chăn nuôi, trồng trọt, bắt nhuyễn thể và hái rau củ.

Đời sống tinh thần cư dân văn hoá Mai Pha khá phát triển. Điều đó thể hiện rõ ở cách thức mai táng, sử dụng đồ trang sức, các hình khắc trên đá, trên xương, hình khắc trên gốm hoặc việc sử dụng thổ hoàng tô trên đồ gốm.

Cư dân văn hoá Mai Pha có mối liên hệ với các văn hoá ven biển như văn hoá Hạ Long. Dấu ấn quan hệ này thể hiện khá rõ ở sự tồn tại của loài ốc biển (*Cypraea*) trong các địa điểm thuộc văn hoá Mai Pha. Trong nhiều địa điểm thuộc văn hoá Mai Pha đã tìm thấy nhiều vỏ ốc biển (*Cypraea*), một loại ốc biển có vỏ đẹp. Người xưa đã dùng vỏ ốc này để làm đồ trang sức. Họ đã mài, rồi khâu dây tạo thành những vòng ốc để làm vòng cổ, vòng tay. Những hạt chuỗi rất nhỏ bằng nhuyễn thể và xương sống cá ở địa điểm Mai Pha cho thấy mối quan hệ của cư dân văn hoá Mai Pha với cư dân văn hoá Hạ Long phân bố ở vùng biển Đông Bắc.

Việc nghiên cứu về nguồn gốc của văn hoá Mai Pha là cả quá trình lâu dài. Lúc đầu, khi so sánh văn hoá Mai Pha với văn hoá Bắc Sơn, thật không dễ gì nhận ra nguồn gốc của văn hoá Mai Pha từ văn hoá Bắc Sơn, bởi giữa Bắc Sơn và Mai Pha còn những khoảng cách khá lớn, thiếu những giai đoạn trung gian, chuyển nối.

Gần đây, trong quá trình khám phá cội nguồn của văn hoá Mai Pha tại khu vực sơn khổi đá vôi Bắc Sơn, các nhà khảo cổ học đã có những phát hiện quan trọng chứng tỏ một quá trình phát triển tiền sử liên tục tại đây. Trong số những phát hiện đó, đáng chú ý là địa điểm hang Phia Điểm.

Phia Điểm là một hang đá phân bố trên trái núi cùng tên, thuộc xã Yên Trạch, huyện Cao Lộc, tỉnh Lạng Sơn. Cuộc khai quật hang Phia Điểm vào năm 1998 đã phát lộ hai lớp văn hoá cơ bản: lớp văn hoá phía trên chứa những yếu tố văn hoá hậu kỳ Đá mới Mai Pha như: gốm màu, rìu bốn tứ giác; ở lớp văn hoá phía dưới đã phát hiện được những di vật đặc trưng của văn hoá Bắc Sơn như rìu mài lưỡi Bắc Sơn, và đặc biệt là dấu Bắc Sơn.

Với những bằng chứng khảo cổ thu được, các nhà khoa học coi Phia Điểm là di tích Tiền Mai Pha tiêu biểu, và không còn nghi ngờ gì nữa, nhịp cầu nối Bắc Sơn với Mai Pha đã được tìm thấy (Nguyễn Khắc Sử và cộng sự, 1999: 145-148).

Kết quả nghiên cứu mở rộng ra bên ngoài không gian văn hoá Mai Pha cho biết, để tạo dựng văn hoá Mai Pha, ngoài sự tham góp của hậu kỳ Đá mới Tiền Mai Pha ở miền núi Lạng Sơn còn có các yếu tố văn hoá khác từ biển như văn hoá Hạ Long, từ trung du đồng bằng như văn hoá Phùng Nguyên, yếu tố miền núi như văn hoá Hà Giang và có thể có yếu tố khác từ Nam Trung Quốc (Nguyễn Cường, 2002: 155).

4.2. Giá trị văn hoá khảo cổ của văn hoá Mai Pha

Văn hoá Mai Pha có vị trí quan trọng trong tiền sử Lạng Sơn và khu vực. Mối quan hệ giữa văn hoá Mai Pha với văn hoá Bắc Sơn là mối quan hệ lịch đại, mang tính truyền thống.

Kế thừa và nâng cao thành tựu của người Bắc Sơn, cư dân Mai Pha đã trụ lại trên địa bàn mà tổ tiên họ đã từng cư trú trước, đồng thời phát triển kinh tế sản xuất, làm nông, chăn nuôi chó, lợn, gà; tiến hành các hoạt động thủ công chế tác công cụ lao động và làm gốm, có tổ chức xã hội cao, và đời sống tinh thần phong phú. Văn hoá Mai Pha được đánh giá như một dấu son nổi bật trên bản đồ Tiền sử Việt Nam.

Với sức sống mạnh mẽ, cư dân văn hoá Mai Pha có mối quan hệ mở rộng ra các cộng đồng cư dân xung quanh, từ vùng núi đến đồng bằng và ven biển, đặc biệt với cư dân văn hoá Phùng Nguyên ở vùng trung du, đồng bằng Bắc Bộ và chủ nhân văn hoá Hạ Long vùng ven biển Đông Bắc. Không chỉ thế, cư dân văn hoá Mai Pha có quan hệ nhất định với cư dân miền núi: văn hoá Hà Giang, và xa hơn nữa với vùng ven biển Đông Nam Trung Quốc.

Sự phát triển về kinh tế và xã hội đã khiến cho cộng đồng cư dân Mai Pha có ưu thế lớn trong khu vực. Đó chính là tiền đề quan trọng để cùng các cư dân đương thời ở các vùng xung quanh, đóng góp vào sự hoà hợp và thống nhất văn hoá dân tộc, hình thành văn minh Việt cổ thời các Vua Hùng sau này.

5. Kết luận

Tiềm năng khảo cổ học thời tiền sử Lạng Sơn là rất to lớn, các di tích và di vật khảo cổ thời tiền sử Lạng Sơn còn lưu lại đến hôm nay là những chứng tích của lịch sử, chứa đựng những trầm tích văn hóa mang tính cội nguồn, tính truyền thống xa xưa của dân tộc ta.

Đến nay, có thể khẳng định, Lạng Sơn là một trong số ít các địa phương trong cả nước có một lượng di sản văn hóa tiền sử rất lớn, tiêu biểu là 3 loại hình di sản văn hóa khảo cổ như đã đề cập đến. Nhiều di sản văn hóa có giá trị rất lớn, có ý nghĩa khoa học mang tầm quốc tế, như: di tích người vượn *Homo erectus* ở Thẩm Khuyên, Thẩm Hai, hay di tích người *Homo sapiens sapiens* ở Kéo Lềng. Nhiều di tích khảo cổ học khác có giá trị mang tầm quốc gia, hay khu vực Đông Nam Á, như: văn hóa Bắc Sơn, văn hóa Mai Pha... Chính các di sản văn hóa này đã góp phần minh chứng cho sự hình thành và phát triển văn hóa đậm đà bản sắc của Lạng Sơn nói riêng và Việt Nam nói chung. Đây là những nguồn di sản văn hóa dân tộc vô cùng quý giá của Lạng Sơn, đồng thời là nguồn tài nguyên kinh tế du lịch đầy tiềm năng trong chính sách phát triển kinh tế - xã hội của Lạng Sơn trong giai đoạn hiện nay.

Tài liệu tham khảo

Bảo tàng Lịch sử Việt Nam. (1969). *Những hiện vật tàng trữ tại Viện Bảo tàng lịch sử Việt Nam về văn hóa Bắc Sơn*, Hà Nội.

Ciochon, R.L, Vu The Long et all. (1996). Dated co-occurrence of *Homo erectus* and *Gigantopithecus* from Tham Khuyen Cave, Vietnam. *Proc.Natl.Acad. Sci. USA*, 93.

Hà Hữu Nga. (2001). *Văn hóa Bắc Sơn*. Nxb. Khoa học xã hội.

Hà Văn Tấn. (1966). Lại bàn về xương sọ người Indonesian trong thời đại đồ đá ở Việt Nam. *Thông báo khoa học*. Đại học Tổng hợp Hà Nội, Sử học, số 2, Hà Nội, 38-41.

Kahlke, H.D. (1967). *Ausgrabungen auf vier Kontinenten*, Leipzig, Jena, Berlin.

Mansuy H., et M.Colani. (1925). Néolithique inferieur (Bacsonien) et néolithiques supérieur dans le Haut-Tonkin. *Mémoires du Service Géologique de L'Indochine*. Vol.XII, fase.3. Hanoi.

Mansuy, H. (1920). Contribution à l' étude la Préhistoire de l' Indochine. II. Gisements préhistoriques des environs de Lang son et de Tuyen Quang (Tonkin). *Bulletin du Service Géologique de L'Indochine*, vol VII, fase.2, Hanoi.

Nguyễn Cường. (2000). *Văn hóa Mai Pha*, Sở Văn hóa - Thông tin Lạng Sơn xuất bản.

Nguyễn Gia Đồi. (1985). *Báo cáo khai quật hang Dơi (Lạng Sơn)*. Tư liệu Viện Khảo cổ học. Hà Nội.

Nguyễn Khắc Sử, Bùi Văn Liêm, Nguyễn Cường, Bế Cao Chuyển. (1999). Khai quật hang Phia Điểm (Lạng Sơn). Trong *Những phát hiện mới khảo cổ học năm 1998*. Nxb. Khoa học xã hội, 145-148.

Nguyễn Lâm Cường. (1988). Di cốt người cổ trên đất Lạng Sơn. Trong *Tuyển tập luận văn hội nghị khoa học xứ Lạng - Lạng Sơn*. Lạng Sơn, 26-42.

Nguyễn Lâm Cường. (2000). Di cốt người ở di chỉ Mai Pha Lạng Sơn. Trong *Những phát hiện mới về Khảo cổ học năm 1999*. Nxb. Khoa học xã hội. 54-58.

Nguyễn Lâm Cường. (2004). Cổ nhân học Việt Nam trong thế kỷ XX. Trong *Một thế kỷ khảo cổ học Việt Nam*. Nxb. Khoa học xã hội.

Trình Năng Chung. (2018). Góp bàn về khung niên đại văn hóa Bắc Sơn. *Tạp chí Khảo cổ học*. số 5, 30-35.

Trình Năng Chung. (2020). Văn hóa Bắc Sơn - Những kết quả nghiên cứu mới. *Tạp chí Khảo cổ học*. Số 3, 24-41.

Trình Năng Chung. (Chủ biên, 2020). *Văn hóa Hòa Bình và văn hóa Bắc Sơn ở miền núi Đông Bắc Việt Nam (Qua tư liệu khảo cổ học từ năm 2000-2015)*. Nxb. Khoa học xã hội.

Vũ Thế Long. (2000). *Kết quả giám định xương răng động vật trong di chỉ Mai Pha (Lạng Sơn)*. Tư liệu Bảo tàng Lạng Sơn.